

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh xuống dưới 1330 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/9/2021		•	
Tuần 27/9-1/10/2021		•	
Tháng 9/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau chuỗi phiên tích lũy của tuần trước, VN-Index đã điều chỉnh trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy giảm khi chỉ có 3/19 nhóm ngành vận động khả quan so với phiên trước. Các nhóm kiềm chế đà giảm của thị trường là: Viễn thông, Du lịch và giải trí, dầu khí. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng tại sàn HNX. Thanh khoản thị trường tăng trở lại và độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy áp lực chốt lãi ngắn hạn khá mạnh sau chuỗi phiên tích lũy quanh ngưỡng 1350 điểm. Với xu hướng như vậy, VN-Index sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1320-1330 điểm trong các phiên giao dịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/9/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: VN-Index (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-26.18** điểm, đóng cửa **1,324.99** điểm. HNX-Index **-6.62** điểm, đóng cửa **353.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+1.32)**, **PLX(+ 0.02)**
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-3.43)**, **TCB(-2.89)**, **VNM(-1.83)**, **MBB(-1.70)**, **ACB(-1.33)**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,451 tỷ đồng**, **+ 16,4%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,787 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 29.39 điểm. Thị trường có **48** mã tăng, 24 mã tham chiếu và **376** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-256.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-139.3 tỷ)**, **VIC (-66.6 tỷ)** và **VND (-51.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **8.46** tỷ đồng

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1324.99**
Giá trị: 19451.95 tỷ **-26.18(-1.94%)**
Khối ngoại (ròng): -253.96 tỷ

HNX-INDEX **353.01**
Giá trị: 8450.62 tỷ **-6.62(-1.84%)**
Khối ngoại (ròng): 8.46 tỷ

UPCOM-INDEX **95.76**
Giá trị: 1585 tỷ **-2.31(2.36%)**
Khối ngoại(ròng): 6.1 tỷ

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	108.5	HPG	139.3
VHM	93.8	VIC	66.6
STB	34.7	VND	51.8
KBC	31.3	VCI	46.0
VHC	25.3	SSI	43.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD nằm dưới đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng hồi phục

Nhận định: VN-Index vừa hình thành phiên điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1320-1330 điểm. Thanh khoản nằm ở mức cao trong phiên giảm điểm cho thấy áp lực chốt lãi ngắn hạn khá mạnh trong phiên. Chỉ báo MACD và RSI đều đang báo hiệu nhịp điều chỉnh nhẹ. Đường điểm VN-Index đã giảm về và dao động quanh ngưỡng MA(50) tại ngưỡng 1327 điểm. Nếu VN-Index giảm xuống dưới ngưỡng 1320 điểm, thị trường có khả năng sẽ điều chỉnh về vùng 1280-1300 điểm. Nếu không, thị trường có thể hồi phục trở lại ngưỡng 1350 điểm.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

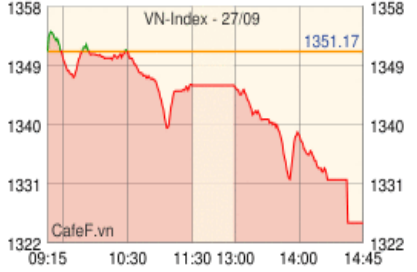
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	2.17%
Du lịch và Giải trí	0.70%
Dầu khí	0.03%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.49%
Công nghệ Thông tin	-0.68%
Tài nguyên Cơ bản	-0.70%
Ô tô và phụ tùng	-1.15%
Bất động sản	-1.17%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.21%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.22%
Ngân hàng	-1.23%
Truyền thông	-1.44%
Thực phẩm và đồ uống	-2.10%
Xây dựng và Vật liệu	-2.79%
Y tế	-2.91%
Hóa chất	-3.01%
Bán lẻ	-3.05%
Dịch vụ tài chính	-3.88%
Bảo hiểm	-4.76%

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: cafef.vn

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: cafef.vn

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
24/9/21	TCH	18.05	21	17	17.9	3	-0.83%	Có thể tiếp tục mua
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	48	4	-5.51%	Có thể tiếp tục mua
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	91	5	-2.26%	Có thể tiếp tục mua
20/9/21	VNM	88.7	95	85	88.8	7	0.11%	Có thể tiếp tục mua
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	105.2	10	-0.66%	Có thể tiếp tục mua
15/9/21	VRE	28.55	32	27	28.25	12	-1.05%	Có thể tiếp tục mua
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	41.35	14	0.24%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	54.2	18	4.63%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	26.2	27	4.97%	Có thể tiếp tục mua
27/8/21	HBC	14.5	17	13.5	15.7	31	8.28%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	16	41	0.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	13.2	46	-1.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	SL	17	-13.37%
20/8/21	NT2	19.4	22	19	SL	5	-2.06%
19/8/21	SCI	34.4	45	30	SL	2	-12.79%
18/8/21	HAX	23.1	27	21	SL	6	-9.09%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	6	3.14%	-1.91%	0.62%	18
Cổ phiếu đã chốt	188	125	14.03%	-7.95%	5.25%	25

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	118.9	0.0%	0.9	3,685	4.7	6,428	18.5	4.6	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	94.0	3.9%	1.0	929	4.3	5,812	16.2	3.7	48.5%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	56.0	2.0%	1.4	1,807	2.2	2,522	22.2	2.0	27.0%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	44.0	1.9%	0.5	428	0.2	3,491	12.6	1.3	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	91.3	0.0%	0.7	15,105	6.4	1,767	51.7	3.8	14.7%	7.7%
VRE	Bất động sản	28.0	2.0%	1.1	2,766	7.1	1,195	23.4	2.1	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	107.5	-0.2%	1.0	15,655	71.3	10,029	10.7	3.7	23.2%	40.2%
DXG	Bất động sản	19.3	-2.3%	1.3	499	3.1	1,379		1.3	28.8%	11.0%
SSI	Chứng khoán	43.8	-0.3%	1.5	1,873	19.9	1,861	23.5	3.8	47.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	64.0	0.8%	1.0	927	13.3	4,384	14.6	4.0	19.8%	25.4%
HCM	Chứng khoán	55.2	-0.5%	1.6	732	6.6	2,899	19.0	3.5	47.6%	19.4%
FPT	Công nghệ	93.5	0.3%	0.9	3,689	5.9	4,234	22.1	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	85.2	0.2%	0.4	1,216	0.1	4,304	19.8	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	88.6	0.0%	1.3	7,373	1.6	4,077	21.7	3.6	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	50.5	-0.2%	1.5	2,790	1.5	3,216	15.7	2.6	17.7%	17.9%
PVS	Dầu khí	25.5	-1.9%	1.7	530	6.0	1,136	22.5	1.0	7.3%	4.4%
BSR	Dầu khí	18.0	-0.6%	0.8	2,426	3.7	(909)		1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	100.2	-0.7%	0.4	570	0.1	5,761	17.4	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	35.0	-1.7%	0.8	596	9.4	2,903	12.1	1.6	11.0%	13.6%
DCM	Hóa chất	25.0	0.6%	0.7	574	4.8	1,169	21.3	2.0	2.6%	9.4%
VCB	Ngân hàng	99.2	-0.1%	1.1	15,997	3.7	5,534	17.9	3.5	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.7	-0.4%	1.3	6,934	1.4	2,464	16.1	2.0	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.3	-0.3%	1.3	6,749	9.4	3,417	9.5	1.7	24.6%	19.0%
VPB	Ngân hàng	64.6	1.9%	1.2	6,937	28.8	5,052	12.8	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.2	-0.7%	1.2	4,633	10.4	2,764	10.2	2.0	22.6%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.3	-0.5%	1.0	3,794	5.8	3,589	9.0	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.9	0.0%	0.7	192	0.1	4,762	11.3	1.9	84.1%	16.4%
NTP	Nhựa	51.7	-0.4%	0.4	265	0.0	4,085	12.7	2.2	18.8%	18.3%
MSR	Tài nguyên	23.2	1.3%	0.7	1,109	1.7	39	594.9	1.8	10.1%	0.3%
HPG	Thép	51.5	-0.8%	1.1	10,015	38.7	5,616	9.2	3.1	26.3%	39.8%
HSG	Thép	44.9	0.0%	1.4	955	23.7	7,745	5.8	2.2	11.3%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	86.5	1.5%	0.6	7,860	14.8	4,572	18.9	5.7	54.7%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	151.4	1.7%	0.8	4,221	1.0	7,293	20.8	4.7	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	130.0	-0.8%	0.9	6,673	4.1	1,787	72.7	7.2	32.6%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.9	-2.0%	1.2	588	4.4	1,070	20.5	1.7	8.8%	8.5%
ACV	Vận tải	83.5	0.6%	0.8	7,903	1.3	577	144.7	4.8	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	129.8	0.6%	1.1	3,057	5.2	290		4.1	17.7%	1.0%
HVN	Vận tải	25.1	4.6%	1.7	2,416	3.8	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	51.0	-0.8%	1.0	668	4.5	1,357	37.6	2.5	40.7%	6.7%
PVT	Vận tải	24.2	-1.4%	1.4	340	6.3	2,340	10.3	1.7	14.2%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	116.7	0.2%	0.9	812	0.6	9,519	12.3	4.4	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.0	-1.4%	0.4	702	3.1	2,098	17.2	2.5	4.8%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	22.0	-1.1%	0.9	364	2.1	1,653	13.3	1.5	3.0%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.8	1.6%	1.0	224	1.2	2,005	34.8	0.6	44.2%	1.8%
CII	Xây dựng	18.6	-1.6%	0.6	193	2.0	69	268.5	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	65.9	-0.2%	-1.4	885	1.8	5,807	11.3	1.7	49.0%	15.8%
PC1	Điện	35.6	-1.4%	-0.4	296	2.4	3,445	10.3	1.6	8.5%	17.5%
POW	Điện	12.1	0.0%	0.6	1,232	4.1	1,079	11.2	1.0	3.1%	8.7%
NT2	Điện	21.5	-0.9%	0.5	268	0.5	1,093	19.6	1.5	13.5%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	43.0	-1.6%	1.1	878	18.9	1,794	24.0	2.0	17.9%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	48.4	-1%	1.0	2,176	0.8			3.2	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	64.60	1.89	0.79	10.24MLN
VNM	86.50	1.53	0.73	3.96MLN
SAB	151.40	1.75	0.45	157900
HVN	25.05	4.59	0.42	3.49MLN
VRE	28.00	2.00	0.34	5.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.70	3.42MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.48	17.22MLN	607060
MSN	0.00	-0.32	711300	373600
HDB	0.00	-0.22	2.61MLN	192700
MBB	0.00	-0.20	8.48MLN	611640

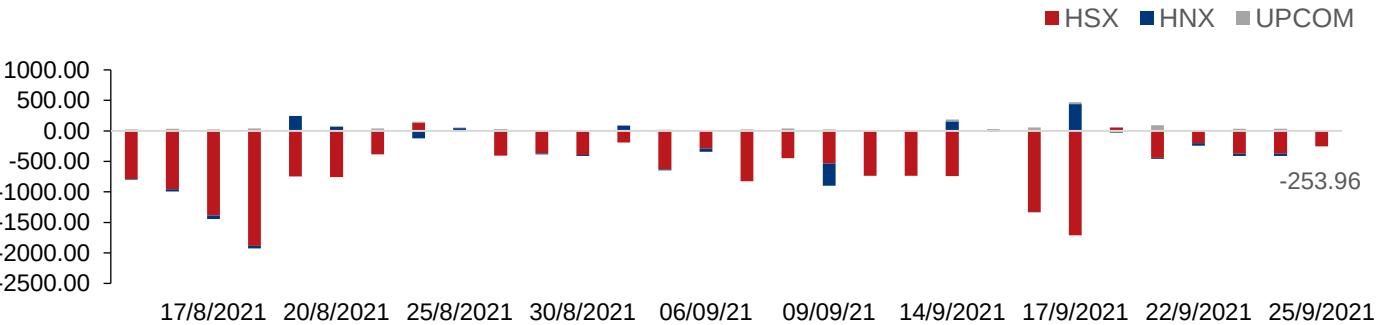
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCH	17.15	8.48	0.14	2.45MLN
VIP	9.63	7.00	0.01	4.61MLN
TDG	5.81	7.00	0.00	286400
TCO	30.65	6.98	0.01	843100
ICT	20.70	6.98	0.01	538000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMD	57.60	-6.95	-0.02	54100
SPM	24.15	-6.94	-0.01	11500
SSC	44.40	-6.92	-0.01	1000.00
DAT	28.30	-6.91	-0.03	2100
SII	17.80	-6.81	-0.02	2400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.3	3,589	9.0	2.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	32.5	1,686	19.3	1.7	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.6	600	19.3	1.1	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.5	-411		1.0	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	46.5	3,949	11.8	1.9	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.3	3,417	9.5	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	25.0	1168.9	21.3	2.0	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	117.3	5,868	20.0	4.5	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	102.0	4,602	22.2	6.5	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	42.6	4,905	8.7	2.3	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	35.0	2,903	12.1	1.6	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	35.2	2,868	12.3	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	19.3	1,379		1.3	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	93.5	4,234	22.1	5.1	Click
18	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	88.6	4,077	21.7	3.6	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	39.3	1,180	33.3	3.2	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.5	5,616	9.2	3.1	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	44.9	7,745	5.8	2.2	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	22.0	1,653	13.3	1.5	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.8	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	40.6	1,966	20.6	2.9	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.0	6,776	7.2	1.7	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.1			1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	81.0	6,547	12.4	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	118.9	6,428	18.5	4.6	Click
2	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	41.4	6,786	6.1	1.9	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	44.0	3,926	11.2	1.9	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.6	3,445	10.3	1.6	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	40.2	2,380	16.9	2.5	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.0	5,812	16.2	3.7	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,079	11.2	1.0	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.2	0	826.8	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.5	1,136	22.5	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.9	1,070	20.5	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	38.1	1,064	35.8	3.9	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	52.7	15635.6	3.4	1.5	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.3	4,613	10.7	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.2	5,534	17.9	3.5	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	21.4	570	37.5	1.7	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	52.0	4,035	12.9	1.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	107.5	10,029	10.7	3.7	Click
16	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.5	4,572	18.9	5.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	64.6	5,052	12.8	2.6	Click
46	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.0	1,195	23.4	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.5	3,256	25.6	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
2	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
5	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
8	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
15	Banking Sector Outlook		x	Click
16	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
18	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
19	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
20	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
21	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
23	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
24	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
25	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
26	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
28	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
29	Fishery Outlook 2021		x	Click
30	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
31	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
32	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
34	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
35	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
40	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639